TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Chung**.

Các Hội thẩm nH dân:

1. Ông **Phạm Văn Lâm.**

2. Ông **Nguyễn Văn Hiệp.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hồ Thị Hằng** – Thư ký Tòa án nH dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố T tham gia phiên tòa:*** Bà **Lưu Kim Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nH dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2019 (nộp tại Tòa án ngày 02/5/2019) và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn trình bày: Bà T và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã D, huyện C (nay là phường B, thị xã C), tỉnh Bình Dương ngày 27/5/2004. Sau khi kết hôn khoảng một năm, bà T và ông H xây dựng nhà riêng tại phường Avà sinh sống ổn định cho đến nay. Thời gian đầu

chung sống, mặc dù có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng vẫn sống hạnh phúc. Tuy nhiên, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, không thể giải quyết được. Nguyên nhân là do ông H cờ bạc, gây ra nợ nần, chủ nợ thường xuyên đến nhà gây áp lực buộc bà T trả nợ cho ông H, đã ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý, cuộc sống của bà T và các con. Bà T đã nhiều lần trả nợ thay cho ông H và khuyên nhủ ông H sửa đổi tính tình, nhưng ông H vẫn không thay đổi. Bản tH ông H lại không có trách nhiệm với gia đình, vấn đề kinh tế, nuôi dạy các con phụ thuộc hoàn toàn vào bà T. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể tiếp tục trả nợ cờ bạc thay cho ông H nên cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 19/10/2005 và Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày 17/4/2014. Về vấn đề cấp dưỡng, bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Ngọc H tại nơi cư trú, lý do ông H thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Theo kết quả xác minh tại Công an phường A xác định ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975 có hộ khẩu thường trú tại Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông H theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường A và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Ngày 10/9/2019, bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/9/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 27/5/2004 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện C (nay là phường B, thị xã C), tỉnh Bình Dương là hôn nH hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà T và ông Nguyễn Ngọc H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, bà T phải tự quán xuyến kinh tế trong gia đình, nuôi dạy các con. Ông H thường xuyên cờ bạc, gây ra nợ nần, chủ nợ đến nhà gây áp lực buộc bà T trả nợ cho ông H, ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống của bà T và các con. Bà T đã nhiều lần trả nợ thay cho ông H với mong muốn ông H sẽ sửa đổi tính tình, vợ chồng cùng nhau làm ăn nuôi dạy các con, nhưng ông H vẫn không thay đổi. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà và ông H đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Vì vậy, bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông H. Về phía bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông H không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Nguyễn Ngọc H là có cơ sở để chấp nhận, quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông H có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 19/10/2005 và Nguyễn Hoàng Ngọc V,

sinh ngày 17/4/2014. Hiện nay, cháu H và cháu V đang sống ổn định với bà T nên bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, bà T có công việc ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Quá trình làm việc, cháu H trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ ruột tên Nguyễn Thị Kim T trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao cháu Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Hoàng Ngọc V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 27/5/2004 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện C (nay là phường B, thị xã C), tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc H)

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 19/10/2005 và Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày 17/4/2014 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2016 - 0034067 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường Tân Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung